

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Thương

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023; về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn N, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Đường P, Tổ A, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Lê Thị R, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Đường P, Tổ A, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tấn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn N, chị Lê Thị R tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm năm 1999 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn anh N, chị R chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình làm ăn kinh tế, chi tiêu gia đình anh N, chị R bất đồng ý kiến, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, chị R thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm anh N vô cớ. Mặc dù bản thân anh N đã nhiều lần khuyên bảo động viên, nhưng chị R vẫn không thay đổi. Các đây khoảng 03 năm do nhận thấy vợ chồng không thể chung sống nên anh N đã ra ở riêng, cũng kể từ đó anh N, chị R sống ly thân và không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay anh N không còn tình cảm với chị R, không mong muốn tiếp tục sống chung với chị R nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị R trình bày:

Chị Lê Thị R, anh Nguyễn Tấn N tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn chị R, anh N vào thị trấn Đ, huyện Đ sinh sống cùng cha mẹ chồng. Quá trình chung sống có 3 người con Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2000; Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 2004; Nguyễn Ngọc Bảo N2, sinh năm 2007, cuộc sống vợ chồng bình thường. Tuy nhiên, trong quá trình làm ăn kinh tế do có nhiều lần thất bại, dẫn đến nợ nần. Các đây khoảng 03 năm chị R bị bệnh, không lao động nặng được chỉ buôn bán hàng ngày, nên nguồn thu nhập chính trong gia đình là do anh N chăm lo; nhưng việc làm ăn kinh tế của anh N không ổn định, nên chị R, anh N thường xích mích, cãi vã trong chuyện chi tiêu. Không những vậy anh N còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên anh N ra ở riêng, còn chị R vẫn sống chung với gia đình nhà chồng. Khi phát hiện anh N có quan hệ bất chính với người khác, chị R nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh N vẫn không thay đổi. Từ đó, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn chia sẻ, yêu thương, quan tâm gì nhau, cũng kể từ đó vợ chồng ly thân. Mặc dù cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn,

anh **N** không chung thủy, nhưng hiện nay chị **R** vẫn còn tình cảm với anh **N** và mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau để chăm lo cho các con, cũng như điều kiện hiện nay chị **R** bị bệnh chỉ làm được việc nhẹ, buôn bán hằng ngày, nên anh **N** phải có trách nhiệm lo cho chị **R**. Do không đồng ý ly hôn nên chị **R** không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh **N** được ly hôn với chị **R**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị **Lê Thị R** có nơi cư trú tại **huyện Đ** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh **Nguyễn Tấn N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị **Lê Thị R** nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Anh Nguyễn Tấn N, chị Lê Thị R tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 30/5/1999, sổ vào sổ 36, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh N, chị R chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên thỉnh thoảng vợ chồng xảy ra cãi vã. Mặc dù cả hai đã tự động viên, an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc, nhưng không có kết quả. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh N không còn tình cảm với chị R nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa chị R thừa nhận cuộc sống vợ chồng thời gian qua có nảy sinh mâu thuẫn. Cả hai vợ chồng đã khuyên bảo, động viên để chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nhưng hiện nay chị vẫn còn tình cảm với anh N nên không đồng ý ly hôn. Thế nhưng, sau khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa Tòa án, Hội đồng xét xử đã tổ chức hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng anh N vẫn cương quyết ly hôn; quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa chị R cũng thừa nhận hiện nay hai vợ chồng đã ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị R đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Lý do chị R đưa ra để không đồng ý ly hôn với anh Nhất l do chị vẫn còn tình cảm yêu thương anh N và bản thân hiện nay chị bị bệnh nên anh N phải có trách nhiệm chăm sóc chị. Tuy nhiên, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân anh N thừa nhận hiện nay đã không còn tình cảm gì với chị R; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn.

Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho anh N được ly hôn với chị R là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Nguyễn Tấn N phải chịu án phí ly hôn.

[6] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tổ tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Tấn N được ly hôn với chị Lê Thị R.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 30/5/1999, số vào sổ 36, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Anh Nguyễn Tấn N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014836 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- UBND xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường